

Bản án số: **102/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/6/2024

V/v “*Tranh chấp xác định tài sản riêng
trong thời kì hôn nhân*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và bà Tống Thị Diệp

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Quyên là Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*
Ông Đào Anh Vũ – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 890/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023. Về việc: “*Tranh chấp xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXX - S T ngày 24/4/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Vũ Đức T**, sinh năm 1984. (Có mặt)

* **Bị đơn:** Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1986.(Có mặt)

Cùng địa chỉ: **Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Vũ Văn T1**. Địa chỉ: **Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**(
Đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ Ông **Lại Văn H**. Địa chỉ: **Số F N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**(Có mặt)

* **Người làm chứng:** Ông **Trần Văn Đ** và bà **Chu Thị M**.

Địa chỉ: **Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** (Đề nghị xét xử
vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Vũ Đức T** trình bày:

Tôi và bà **L** kết hôn với nhau vào năm 2008, sau khi kết hôn thì đi chúng tôi làm ăn ở tỉnh Đắk Nông nhưng làm ăn thất bại nên đã bán hết tài sản để trả nợ và quay về Đắk Lắk thuê nhà để ở, đến năm 2017 chúng tôi chuyển về sống chung, ở nhờ với bố ruột tôi là ông **Vũ Văn T1** tại **số A P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Ông **T1** là bố tôi thấy tôi không có tài sản gì và cũng không có nhà ở nên bố tôi đã mua

của ông **Trần Văn Đ** bà **Chu Thị Mai m** thừa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thừa đất tại: **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, giá trị là 380.000.000 đồng để tặng riêng cho tôi. Bố tôi là người trực tiếp mua và trả tiền mua đất nhưng sau đó thống nhất với vợ chồng ông **Đ** là làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho một mình tôi chứ không có tên vợ tôi. Ngày 10/4/2018 **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi (**Vũ Đức T**). Sau đó vợ chồng mâu thuẫn nên chúng tôi đã ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 32/2023/QĐCNTTLH, ngày 30/8/2023 nhưng không yêu cầu giải quyết tài sản.

Trong quá trình làm ăn bà **L** có nợ của ông **Lại Văn H** (là anh rể của bà **L**) như thế nào thì tôi không hề biết, sau này tôi mới biết bà **L** nợ ông **H** số tiền 240.000.000đồng. Ông **H** đã khởi kiện bà **L** tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và xác định nghĩa vụ trả nợ là của một mình bà **L** không liên quan tới tôi. Hiện nay ông **H** làm đơn yêu cầu bà **L** phải trả số tiền trên tại **C** thi hành án thì không liên quan tới tôi.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết những yêu cầu sau: Yêu cầu công nhận thừa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** là tài sản riêng của tôi trong thời kỳ hôn nhân với bà **L**.

Về tài sản trên đất: Khi mua trên đất có 01 căn nhà cấp 04 và sau này tôi sửa lại để ở cho đến nay.

2. Bị đơn bà **Dương Thị L** trình bày:

Tôi (**Dương Thị L**) thống nhất với ý kiến trình bày của ông **Vũ Đức T**. Sau khi chúng tôi làm ăn thua lỗ đã bán hết nhà cửa, đất đai ở tỉnh Đắk Nông, không còn chỗ nào để đi nên quay về nhà ông **Vũ Văn T1** (bố anh **T**) tại **số A P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** sinh sống. Ông **T1** thấy ông **T** không có tài sản gì nên đã mua tặng riêng ông **T** một thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thừa đất tại: **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, tài sản này là ông **T1** mua tặng cho ông **T** chứ không liên quan đến tôi. Quá trình mua bán thừa đất trên tôi không hề biết và tôi cũng không được đứng tên. Sau đó chúng tôi mâu thuẫn nên giải quyết ly hôn và đã được Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 32/2023/QĐCNTTLH, ngày 30/8/2023 nhưng không yêu cầu giải quyết tài sản. Trong quá trình làm ăn riêng tôi có nợ của ông **Lại Văn H** số tiền 240.000.000đồng đã được Toà án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận vào tháng 7 năm 2023 buộc 01 mình tôi trả số tiền trên cho ông **H**. Hàng tháng tôi có xuống nhà ông **H** xin trả 3.000.000đồng/01tháng nhưng ông **H** đóng cửa không nói chuyện với tôi nên tôi chưa trả số tiền trên cho ông **H**.

Sau đó tôi nhận được thông báo của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột về đơn yêu cầu của ông **H** yêu cầu tôi phải trả số tiền trên. Hiện nay tôi không có tài sản riêng gì mà tài sản là thửa đất 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** là tài sản riêng của ông **Vũ Đức T** trong thời kỳ hôn nhân với tôi.

Hiện nay ông T khởi kiện nội dung như trên thì tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết công nhận thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của ông Vũ Đức T trong thời kỳ hôn nhân.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Văn H trình bày:

Ngày 22/6/2021 bà L mượn của tôi số tiền 250.000.000đồng, thời hạn 01 năm, bà L mới trả được 10.000.000đồng còn nợ 240.000.000đồng nên tôi khởi kiện bà L tại TAND thành phố Buôn Ma Thuột. Tại Quyết định công nhận số 85/2023/QĐST-DS của TAND TP. Buôn Ma Thuột buộc bà L trả cho tôi số tiền 240.000.000đồng. Sau đó tôi đòi bà L không trả nên tôi làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột và Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định thi hành án số 601/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2023, xác minh có tài sản là thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng từ đó đến nay bà L vẫn không có tiền trả cho tôi.

Nay ông T khởi kiện đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của ông Vũ Đức T trong thời kỳ hôn nhân thì tôi không đồng ý vì đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà L nên xác định là tài sản chung của ông T, bà L.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T1 trình bày tại văn bản trình bày ngày 06/3/2024 (BL 107):

Tôi có mua thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thửa đất tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tôi mua cho con trai tôi là Vũ Đức T, đây là tài sản riêng của con tôi.

5. Người làm chứng ông Trần Văn Đ bà Chu Thị M trình bày tại bản tự khai (BL106):

Chúng tôi không có quan hệ họ hàng gì với ông Vũ Văn T1, ông Vũ Đức T và bà Dương Thị L. Năm 2017 vợ chồng chúng tôi chuyển nhượng cho ông Vũ Văn T1 mua của chúng tôi một thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thửa đất tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi nghe nói để tặng cho ông T, ông T1 người trực tiếp mua và trả tiền mua đất. Sau khi vợ chồng chúng tôi nhận đủ tiền từ ông T1 thì ra văn phòng công chứng chuyển nhượng đất nhưng ông T1 nói tặng cho ông T nên sang tên cho 01 mình ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật;

Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đề nghị Hội đồng xét xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức T, về việc đề nghị Tòa án công nhận thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại phường T, thành phố

B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của ông Vũ Đức T.

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án khởi kiện “*Tranh chấp xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Đ bà Chu Thị M và ông Vũ Văn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 2008 ông Vũ Đức T kết hôn với bà Dương Thị L và đến ngày 30/8/2023 ông T, bà L ly hôn theo quyết định số 32/2023/QĐCNTTLT của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xác định tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nguồn gốc thửa đất: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 20/3/2018 ông Trần Văn Đ, bà Chu Thị M chuyển nhượng cho ông Vũ Đức T thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thửa đất tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày 22/3/2018 ông Vũ Đức T có đơn yêu cầu đăng ký, biến động đất đai của người sử dụng đất và đến ngày 10/4/2018 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp thửa đất trên đứng tên ông Vũ Đức T.

Lời khai của ông Trần Văn Đ và bà Chu Thị M xác định: Vào năm 2017 ông Vũ Văn T1 là người mua đất và trả tiền tiền mua đất để tặng cho con trai là ông T nhưng sau đó ông T1 thống nhất vợ chồng ông Đ bà M làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho 01 mình ông T.

Lời khai của ông Vũ Văn T1: Xác định ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thửa đất tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tôi mua cho con trai tôi là Vũ Đức T, trên là để tặng cho 01 mình ông T.

Như vậy thửa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thửa đất tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/4/2018 cho ông Vũ Đức T; Tài sản trên đất bao gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 114m² mái lợp tôn, nền lát gạchceramic, hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Vũ Đức T và bà Dương Thị L nhưng ông Vũ Đức T chứng minh được tài sản này do bố là ông Vũ Văn T1 mua và tặng cho riêng nên cần xác định thửa đất trên là tài sản riêng của ông T là phù hợp với điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.....

Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân....

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, ông **Vũ Đức T** khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận thừa đất số 799, tờ bản đồ số 12, diện tích 673,8 m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 10/4/2018 trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 114m² mái lợp tôn, nền lát gạchceramic, là tài sản riêng của ông **Vũ Đức T** là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí; chi phí tố tụng và lệ phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai: Ông **Vũ Đức T** tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; điều 169; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 43; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông **Vũ Đức T**.

Xác định thừa đất số 799, tờ bản đồ số 12, có diện tích 673,8 m², địa chỉ thừa đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2018 đứng tên ông **Vũ Đức T** và tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 114m² mái lợp tôn, nền lát gạchceramic, là tài sản riêng của ông **Vũ Đức T**.

Tứ cận thừa đất: Phía Đông: giáp thửa 803; Phía Tây: Giáp đường đi; Phía Bắc: giáp thửa 320; Phía Nam: giáp thửa 782.

2. Về án phí DSST: Ông **Vũ Đức T** tự nguyện chịu 300.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền ông **Vũ Đức T** đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004211 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Trả lại cho ông **T** 9.700.000đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0004211 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Về chi phí tố tụng và lệ phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai: Ông **Vũ Đức T** tự nguyện chịu 2.800.000đồng chi phí tố tụng (Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 2000.000 đồng và 800.000 đồng lệ phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai, đã nộp và chi phí xong).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh;
- VKSND Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mai